ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 3124 /UBND-VP V/v sử dụng chứng chỉ ngoại ngữ, tin học trong tuyển dụng, sử dụng, quản lý, nâng ngạch, thăng hạng đối với công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh	*Hải Dương, ngày 09 tháng 9 năm 2019*

Kính gửi:
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố.

Căn cứ Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam; Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin; Thông tư số 23/2017/TT-BGDĐT ngày 29/9/2017 ban hành quy chế thi đánh giá năng lực ngoại ngữ theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam; Thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT-BGDĐT-BTTTT ngày 21/6/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Thông tin và Truyền thông quy định tổ chức thi và cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin;

Căn cứ Công văn số 3755/BGDĐT-GDTX ngày 03/8/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc quy đổi chứng chỉ ngoại ngữ, tin học; Công văn số 2819/BTTTT-CNTT ngày 31/8/2015 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc công nhận bài thi tin học văn phòng quốc tế phù hợp với yêu cầu của Chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT,

Xét đề nghị của Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 1247/TTr-SGDĐT ngày 03/9/2019, Ủy ban nhân dân tỉnh quy định việc sử dụng chứng chỉ ngoại ngữ, tin học trong tuyển dụng, sử dụng, quản lý, nâng ngạch, thăng hạng đối với công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Hải Dương cụ thể như sau:

1. Về trình độ ngoại ngữ

1.1. Trình độ chuẩn ngoại ngữ của công chức, viên chức (theo các quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp tương ứng hiện hành) thực hiện theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

1.2. Các trình độ ngoại ngữ tiếng Anh khác được quy đổi giá trị tương đương Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, cụ thể như sau:

a) Trình độ ngoại ngữ tiếng Anh do các cơ sở đào tạo trong nước tổ chức thi và cấp chứng chỉ hợp pháp, còn giá trị sử dụng, gồm:

- Chứng chỉ A, B, C theo Quyết định số 177/QĐ-TCBT ngày 30/01/1993 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chương trình tiếng Anh thực hành A, B, C, được cấp trước ngày **20/12/2008** (*ngày Quyết định số 66/2008/QĐ-BGDĐT có hiệu lực*);

- Chứng chỉ A1, A2, B1, B2, C1, C2 theo Quyết định số 66/2008/QĐ-BGDĐT ngày 02/12/2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chương trình giáo dục thường xuyên về tiếng Anh thực hành, được cấp trước ngày **15/11/2017** *(ngày Thông tư số 23/2017/TT-BGDĐT có hiệu lực)*;

- Việc quy đổi giá trị tương đương như sau:

Khung tham chiếu Châu Âu	**Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam**	**Quyết định số 177/QĐ-TCBT**	**Quyết định số 66/2008/QĐ-BGDĐT**
C2	Bậc 6		C2
C1	Bậc 5		C1
B2	Bậc 4		B2
B1	Bậc 3	C	B1
A2	Bậc 2	B	A2
A1	Bậc 1	A	A1

Danh sách các đơn vị đủ điều kiện tổ chức thi, cấp chứng chỉ ngoại ngữ theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam thực hiện theo Thông báo số 538/QLCL-QLVBCC ngày 20/5/2019 của Cục Quản lý chất lượng thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo.

b) Chứng chỉ/chứng nhận năng lực tiếng Anh do các tổ chức khảo thí giáo dục nước ngoài có thẩm quyền cấp hợp pháp, còn giá trị sử dụng, gồm:

- Chứng chỉ/chứng nhận TOEFL, TOEIC do Tổ chức Khảo thí Hoa Kỳ (Educational Testing Service - ETS) cấp;

- Chứng chỉ/chứng nhận IELTS do Hội đồng Anh (British Council -BC) hoặc Tổ chức giáo dục quốc tế (International Development Program - IDP) cấp;

- Chứng chỉ/chứng nhận tiếng Anh Cambridge do Hội đồng Khảo thí Trường Đại học Cambridge cấp.

Các chứng chỉ/chứng nhận nêu trên cần có bản dịch công chứng kèm theo (khi cần xác thực kết quả thì phải Hậu kiểm được trên hệ thống quản lý của đơn vị cấp).

- Việc quy đổi giá trị tương đương thực hiện như sau:

Khung tham chiếu Châu Âu	**Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam**	**TOEFL**				**TOEIC (*)**	**IELTS (***) (*)**	**Cambridge ESOL Exams (*)**
		PBT (*)	**CBT (*)**	**IBT (*)**	**ITP (**)**			
C2	Bậc 6	600	250	100			8.5	CPE (pass)
C1	Bậc 5	550	213	80	627	800	7.0	CAE (pass)
B2	Bậc 4	500	173	61	500	625	5.5	FCE (pass)
B1	Bậc 3	450	133	45	450	350	4.5	PET (pass)
A2	Bậc 2	400	97		337	150	3.0	KET (pass)
A1	Bậc 1							

(*) Mục 4 Quyết định số 66/2008/QĐ-BGDĐT ngày 02/12/2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chương trình giáo dục thường xuyên về tiếng Anh thực hành;

(**) https://www.ets.org/toefl_itp/research và Công văn số 3726/BGDĐT-GDĐH ngày 05/6/2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công nhận chứng chỉ TOEFL ITP khi xem xét năng lực ngoại ngữ;

(***) https://www.ielts.org/ielts-for-organisations/common-european-framework.

2. Về trình độ tin học

2.1. Trình độ chuẩn tin học của công chức, viên chức (theo các quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp tương ứng hiện hành) thực hiện theo Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông về Quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.

2.2. Các trình độ tin học khác được quy đổi giá trị tương đương Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản, cụ thể như sau:

a) Chứng chỉ tin học ứng dụng A, B, C (theo Quyết định số 21/2000/QĐ-BGDĐT ngày 03/7/2000 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình Tin học ứng dụng A, B, C), được cấp trước ngày **31/12/2016**.

b) Chứng chỉ tin học văn phòng quốc tế IC3 (The Internet and Computing core certification).

Danh sách các đơn vị đủ điều kiện tổ chức thi, cấp chứng chỉ Chuẩn kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản thực hiện theo Thông báo số 538/QLCL-QLVBCC ngày 20/5/2019 của Cục Quản lý chất lượng thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Phạm vi áp dụng

Hướng dẫn việc sử dụng chứng chỉ ngoại ngữ, tin học trên đây thống nhất áp dụng để hoàn thiện tiêu chuẩn hồ sơ trong việc tuyển dụng, sử dụng, quản lý, nâng ngạch, thăng hạng đối với công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Hải Dương cho đến khi các Bộ chuyên ngành có quy định, hướng dẫn mới.

Các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố căn cứ quy định để triển khai các nhiệm vụ liên quan theo phân cấp; quá trình triển khai, nếu có khó khăn, vướng mắc báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Giáo dục và Đào tạo) để xem xét, bổ sung, điều chỉnh./.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lương Văn Cầu

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Các huyện ủy, thành ủy;
- Phòng Giáo dục và Đào tạo các huyện, TP;
- Các phòng: NC(CV Chình); KT(CV Thư);
- Lưu: VT, KGVX, Hiển (60b).